

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/KDTM-ST

Ngày: 25/5/2023

*“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hảo
2. Ông Nguyễn Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2022/TLST-KDTM ngày 05 tháng 12 năm 2022, về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH một thành viên T.

Địa chỉ: 191/16A P, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Ánh X - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đậu Đức N, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số 438, N, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh B (văn bản ủy quyền ngày 30/11/2022);

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH SAMWOO P.

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp T, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông K Y - Chức vụ: Giám đốc.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đậu Đức N trình bày:*

Ngày 02/01/2022, công ty TNHH MTV T (gọi tắt là công ty T) và công ty TNHH Samwoo P (gọi tắt là công ty Samwoo P) có ký kết hợp đồng thương mại số 02TT-SW/2022 để mua bán hàng hóa là màng EPE các loại, về phương thức thanh toán hai bên thỏa thuận là công ty Samwoo P thanh toán cho công ty T sau 45- 60 ngày kể từ ngày mở hóa đơn tài chính căn cứ theo hóa đơn GTGT và công nợ của công ty Thụy Tường.

Từ tháng 03/2022 đến tháng 08/2022, công ty Samwoo P có mua một số đơn hàng của công ty T. Ngày 27/05/2022 công ty T có xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 96, ký hiệu 1C22TTT và ngày 03/10/2022 công ty T phát hành bảng đối chiếu công nợ từ tháng 03 đến tháng 08/2022, theo đó công ty Samwoo Polymer còn nợ tiền hàng hóa của công ty T số tiền 3.463.556.075đ (ba tỷ, bốn trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng), bảng đối chiếu công nợ có xác nhận của công ty Samwoo Polymer và công ty Samwoo P cam kết hẹn trong vòng một tuần kể từ ngày 03/10/2022 sẽ có phương án trả nợ và sẽ thông báo phương án thanh toán cho công ty T. Nếu Công ty T không đồng ý phương án thì sẽ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, kể từ đó cho đến nay công ty Samwoo Polymer vẫn không trả nợ cho công ty T.

Cho nên, nay công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề như sau:

- Buộc công ty Samwoo P phải thanh toán tiền nợ mua hàng hóa cho công ty Thụy Tường số tiền 3.463.556.075đ (ba tỷ, bốn trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng).

Buộc công ty Samwoo P phải thanh toán tiền lãi theo lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước tương ứng với số tiền nợ và thời hạn chậm trả cho công ty Thụy Tường (thời gian chậm trả xác định là ngày 10/10/2022 dựa theo bảng đối chiếu công nợ ngày 03/10/2022) đến ngày 25/05/2023 là: $3.463.556.075đ \times 10\%/365 \text{ ngày} \times 225 \text{ ngày} = 213.506.881đ$ (hai trăm mười ba triệu, năm trăm linh sáu nghìn, tám trăm tám mươi mốt đồng).

Tổng cộng là 3.677.062.956đ (ba tỷ, sáu trăm bảy mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm năm mươi sáu đồng).

** Bị đơn công ty TNHH Samwoo P đã được tổng đạt các văn bản theo trình tự tố tụng nhưng không tham gia tố tụng và không cung cấp văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.*

** Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định tại các điều: 239, 243, 248, 249, 250, 251, 253, 254, 256, 260 và điều 263 của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại các Điều 70, 71, 72, 86, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung của vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc công ty TNHH Samwoo P có trách nhiệm thanh toán cho công ty TNHH một thành viên T số tiền nợ gốc là 3.463.556.075đ (ba tỷ, bốn trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng) và tiền lãi là 213.506.881đ (hai trăm mười ba triệu, năm trăm linh sáu nghìn, tám trăm tám mươi mốt đồng); công ty TNHH Samwoo P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là công ty TNHH Samwoo P có trụ sở chính tại Cụm Công nghiệp T - T, xã T, huyện V, tỉnh Đ. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 317 của Luật thương mại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đại diện nguyên đơn là ông Đậu Đức N đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn công ty TNHH Samwoo P đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định tại sự khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[3] Về quan hệ pháp luật: Công ty TNHH một thành viên T khởi kiện yêu cầu công ty TNHH Samwoo P thanh toán số tiền nợ và tiền lãi nên xác định đây vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 8 Điều 3 và Điều 24 Luật thương mại; khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Nội dung vụ án:

[4.1] Công ty TNHH Samwoo P là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tổng đạt các văn bản theo trình tự tố tụng nhưng không tham gia giải quyết vụ án, cũng không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật

tổ tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[4.2] Theo lời khai và tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp trong quá trình giải quyết, xác định: Công ty TNHH một thành viên T và công ty TNHH Samwoo PP có ký hợp đồng thương mại số 02TT-SW/2022 ngày 02/01/2022. Theo hợp đồng, công ty TNHH một thành viên T bán cho công ty TNHH Samwoo Phòng hóa là màng EPE các loại; số lượng hàng được thông báo qua điện thoại, email hoặc fax; đơn giá tùy từng thời điểm, bên bán báo giá bằng văn bản có sự chấp thuận của bên mua; phương thức thanh toán sau 45 - 60 ngày kể từ ngày mở hóa đơn tài chính, căn cứ theo hóa đơn GTGT và công nợ của bên bán.

Việc ký kết hợp đồng thương mại là hoàn toàn tự nguyện không bên nào bị ép buộc, về hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng có giá trị thi hành đối với các bên tham gia ký kết, hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký. Sau khi ký hợp đồng, từ tháng 3/2022 đến tháng 8/2022, công ty TNHH Samwoo P đã nhiều lần thực hiện đặt hàng tại công ty TNHH một thành viên T theo nội dung hợp đồng đã ký kết, công ty TNHH một thành viên T cũng đã giao đầy đủ số lượng hàng hóa cho công ty TNHH Samwoo P và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho công ty TNHH Samwoo P với số tiền 3.463.556.075đ (ba tỷ, bốn trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng).

Đến ngày 03/10/2022, công ty TNHH một thành viên T và công ty TNHH Samwoo Polymer đã đối chiếu công nợ (từ tháng 3/2022 đến tháng 8/2022), công ty TNHH Samwoo P xác nhận còn nợ công ty TNHH một thành viên T số tiền 3.463.556.075đ (ba tỷ, bốn trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng), cam kết hẹn trong vòng một tuần sẽ có phương án trả nợ và sẽ thông báo phương án thanh toán cho công ty TNHH một thành viên T.

Công ty TNHH một thành viên T nhiều lần yêu cầu thanh toán số tiền nợ trên nhưng công ty TNHH Samwoo P không thanh toán số tiền còn nợ nên công ty TNHH một thành viên T khởi kiện yêu cầu công ty TNHH Samwoo P trả số tiền nợ gốc và lãi.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ xét thấy yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH một thành viên T buộc công ty TNHH Samwoo P phải thanh toán số tiền nợ gốc 3.463.556.075đ (ba tỷ, bốn trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[4.3] Về yêu cầu tính lãi: Căn cứ hợp đồng thương mại số 02TT-SW/2022 ngày 02/01/2022 và bảng đối chiếu công nợ ngày 03/10/2022 giữa công ty TNHH một thành viên Thụy Tường và công ty TNHH Samwoo P các bên không thỏa thuận về lãi suất.

Căn cứ vào Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005, Điều 11 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án

nhân dân tối cao hướng dẫn: để xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 ngân hàng thương mại có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả.

Theo biểu lãi cho vay ngày 23/5/2023 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Vĩnh Cửu Bắc Đồng Nai cung cấp mức lãi suất cho vay hoạt động sản xuất kinh doanh là: 7.5%/năm, mức lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn; Theo công văn số: 10/2023/CV-PGDVC ngày 23/5/2023 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – PGD Vĩnh Cửu cung cấp mức lãi suất là: 10%/năm, mức lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn; Theo văn bản ngày 24/5/2023 của Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - chi nhánh Vĩnh Cửu cung cấp mức lãi suất cho vay là: 10%/năm, mức lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Do đó, lãi suất chậm trả là: $[11.25\% + 15\% + 15\%]: 3 = 13.75\%/năm$

Nguyên đơn công ty TNHH một thành viên T chỉ yêu cầu mức lãi 10%/năm, xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Vì vậy, công ty TNHH một thành viên Thụy Tường yêu cầu công ty TNHH Samwoo P phải thanh toán cho công ty TNHH một thành viên T tiền lãi là 213.506.881đ (hai trăm mười ba triệu, năm trăm linh sáu nghìn, tám trăm tám mươi một đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[4.4] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH một thành viên T buộc công ty TNHH Samwoo P phải thanh toán cho công ty TNHH một thành viên T số tiền nợ gốc là 3.463.556.075đ (ba tỷ, bốn trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng) và tiền lãi là 213.506.881đ (hai trăm mười ba triệu, năm trăm linh sáu nghìn, tám trăm tám mươi một đồng), tổng cộng là 3.677.062.956đ (ba tỷ, sáu trăm bảy mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm năm mươi sáu đồng).

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn công ty TNHH Samwoo P phải chịu 105.541.259đ (một trăm linh năm triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn, hai trăm năm mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho công ty TNHH một thành viên T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 357; Điều 401 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 8 Điều 3, khoản 1 Điều 24; khoản 1 Điều 50; khoản 5 Điều 297; Điều 306 và Điều 319 của Luật Thương mại năm 2005;

- Điều 11 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty TNHH một thành viên T đối với bị đơn công ty TNHH Samwoo P về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc công ty TNHH Samwoo P phải có trách nhiệm thanh toán cho công ty TNHH một thành viên T số tiền 3.677.062.956đ (ba tỷ, sáu trăm bảy mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm năm mươi sáu đồng). Trong đó, nợ gốc là 3.463.556.075đ (ba tỷ, bốn trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng) và tiền lãi là 213.506.881đ (hai trăm mười ba triệu, năm trăm linh sáu nghìn, tám trăm tám mươi một đồng).

2. Về án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH Samwoo P phải chịu 105.541.259đ (một trăm linh năm triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn, hai trăm năm mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho công ty TNHH một thành viên T số tiền tạm ứng án phí 50.924.190đ (năm mươi triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn, một trăm chín mươi đồng) theo biên lai thu số 0004756 ngày 02/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Đại